TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03/2019/QĐST-KDTM	*B, ngày 01 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Luật án phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn,giảm,nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: "***Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa***".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại N (gọi tắt là công ty N).** Địa chỉ: thôn N, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội. Mã số doanh nghiệp: 050045XXXX do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/04/2004. Người đại diện theo pháp luật: **Ông Chu Hoàng T-** Chức danh: Giám đốc. Số điện thoại: 024 33650 XXXX. Fax: 024 33654 XXXX1. Email: congtyN@gmail.com. Người đại diên theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị Hương G theo Giấy ủy quyền ngày 07/9/2018. Người đại diện theo ủy quyền ông Chu Quốc Đ, theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 3 năm 2019.

* Bị đơn: **Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng B (gọi tắt là công ty B).** Địa chỉ: Số 415, phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội. Mã số

doanh nghiệp: 010155XXXXdo Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2004**.** Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trịnh Việt Q** - Chức danh: Giám đốc. Số điện thoại: 02437 6XXXXX, Fax: 02437 XXXXXX

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty B xác nhận còn nợ công ty N số tiền nợ gốc là 3.581.789.441 đồng (Ba tỉ năm trăm tám mươi mốt triệu bẩy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng).

Công ty N và Công ty B thống nhất yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỉ hai trăm triệu đồng) với lộ trình thanh toán như sau:

- Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng 9/2019 công ty B trả cho Công ty N số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng 12/2019 công ty B trả cho Công ty N số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng 3/2020 công ty B trả cho Công ty N số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng 6/2020 công ty B trả cho Công ty N số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Trường hợp Công ty B vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào như đã thỏa thuận trên thì số tiền nợ gốc mà Công ty B còn nợ Công ty N được xác định là 3.581.789.441 đồng (Ba tỉ năm trăm tám mươi mốt triệu bẩy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi mốt đồng) và Công ty N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ số tiền còn nợ gốc và lãi suất của số tiền gốc chưa thi hành theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty B phải chịu **38.000.000đ** (*Ba mươi tám triệu*) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp. Trả lại Công ty N số tiền **37.500.000đ** (*Ba mươi bẩy triệu năm trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0005178** ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung